TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 10 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Triệu Hoài Bắc	1	08	7.0	*Bảy*	
2	Lê Thị Bẩy	2	14	7.0	*Bảy*	
3	Ngô Hải Biên	3	68	7.5	*Bảy rưỡi*	
4	Nguyễn Thị Bưởi	4	07	7.5	*Bảy rưỡi*	
5	Lê Văn Cương	5	64	7.0	*Bảy*	
6	Bùi Thị Dung	6	55	7.0	*Bảy*	
7	Trần Thị Dung	7	24	7.5	*Bảy rưỡi*	
8	Đào Việt Dũng	8	15	7.0	*Bảy*	
9	Dương Tiến Dũng	9	22	7.0	*Bảy*	
10	Lê Tiến Dũng	10	56	7.0	*Bảy*	
11	Lê Đắc Đạt	11	16	8.0	*Tám*	
12	Nguyễn Thị Điệp (A-1985)	12	43	7.0	*Bảy*	
13	Nguyễn Thị Điệp (B-1978)	13	48	7.0	*Bảy*	
14	Hà Văn Đồng	14	46	6.5	*Sáu rưỡi*	
15	Lê Thị Giang	15	45	7.0	*Bảy*	
16	Nguyễn Thị Hà	16	06	7.5	*Bảy rưỡi*	
17	Dương Việt Hà	17	27	7.0	*Bảy*	
18	Hoàng Thúy Hồng Hà	18	09	7.0	*Bảy*	
19	Lê Xuân Hằng	19	47	7.0	*Bảy*	
20	Nguyễn Thị Hằng	20	51	7.0	*Bảy*	
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	34	7.0	*Bảy*	
22	Dương Thị Hoan	22	30	7.0	*Bảy*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Đặng Thị Hoàn	23	32	7.5	*Bảy rưỡi*	
24	Bùi Thị Hồng	24	25	8.0	*Tám*	
25	Hà Thị Hồng	25	37	8.0	*Tám*	
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	26	60	7.0	*Bảy*	
27	Nguyễn Quốc Hưng	27	49	7.0	*Bảy*	
28	Dương Thị Hương	28	02	8.0	*Tám*	
29	Nguyễn Thị Thu Hương A-1985	29	10	7.0	*Bảy*	
30	Nguyễn Thị Thu Hương B-1984	30	33	7.5	*Bảy rưỡi*	
31	Lê Thị Huyền	31	70	7.5	*Bảy rưỡi*	
32	Trần Thị Huyền	32	36	7.5	*Bảy rưỡi*	
33	Nguyễn Thị Lâm	33	18	7.5	*Bảy rưỡi*	
34	Nguyễn Thị Liên	34	04	7.0	*Bảy*	
35	Phạm Quang Lưu	35	73	7.0	*Bảy*	
36	Nguyễn Thị Mai	36	54	7.5	*Bảy rưỡi*	
37	Đồng Thị Mây	37	44	7.0	*Bảy*	
38	Nguyễn Thị Na	38	38	7.5	*Bảy rưỡi*	
39	Dương Văn Nam	39	21	7.0	*Bảy*	
40	Đặng Thị Phương Nga	40	28	7.0	*Bảy*	
41	Nguyễn Thị Bích Nga	41	31	7.5	*Bảy rưỡi*	
42	Nguyễn Thị Thanh Ngà	42	50	7.5	*Bảy rưỡi*	
43	Đinh Thủy Nguyên	43	13	7.5	*Bảy rưỡi*	
44	Nguyễn Chí Nhân	44	57	8.0	*Tám*	
45	Dương Thị Trang Nhung	45	05	7.5	*Bảy rưỡi*	
46	Nguyễn Thị Hồng Nhung	46	11	7.0	*Bảy*	
47	Nguyễn Hoàng Phương	47	23	7.5	*Bảy rưỡi*	
48	Trần Văn Quản	48	72	6.5	*Sáu rưỡi*	
49	Luân Thị Quế	49	63	7.0	*Bảy*	
50	Nguyễn Thị Quyên	50	12	7.5	*Bảy rưỡi*	
51	Nguyễn Thị Quỳnh	51	39	7.0	*Bảy*	
52	Lê Minh Sơn	52	67	6.5	*Sáu rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Lê Văn Thanh	53	52	7.5	*Bảy rưỡi*	
54	Trần Phương Thanh	54	59	7.0	*Bảy*	
55	Dương Văn Thao	55	71	7.0	*Bảy*	
56	Nguyễn Thị Thắm	56	03	8.0	*Tám*	
57	Hà Đức Thịnh	57	65	7.0	*Bảy*	
58	Lê Xuân Thọ	58	58	7.0	*Bảy*	
59	Nguyễn Thị Hạnh Thu	59	61	7.0	*Bảy*	
60	Trần Văn Thu	60	40	7.5	*Bảy rưỡi*	
61	Lưu Thị Thư	61	01	8.0	*Tám*	
62	Lê Thái Thục	62	26	7.5	*Bảy rưỡi*	
63	Trần Đình Thức	63	66	7.5	*Bảy rưỡi*	
64	Đỗ Thị Thúy	64	53	7.5	*Bảy rưỡi*	
65	Hà Thị Thu Trang	65	19	8.0	*Tám*	
66	Hoàng Minh Tuấn	66	62	6.5	*Sáu rưỡi*	
67	Nguyễn Thị Anh Tuyết	67	17	7.5	*Bảy rưỡi*	
68	Dương Thị Tứ	68	41	8.0	*Tám*	
69	Nguyễn Thị Vân	69	29	7.0	*Bảy*	
70	Bùi Văn Vinh	70	69	6.5	*Sáu rưỡi*	
71	Lý Thanh Xuân	71	42	7.5	*Bảy rưỡi*	
72	Tạ Hồng Xuân	72	35	7.0	*Bảy*	
73	Lưu Như Ý	73	20	7.0	*Bảy*	

PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hồng Mây

KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA

Ngô Thị Hồng nhung

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Phạm Minh Chuyên